

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:113/2026/HS-ST
Ngày 19-8-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* ông Đinh Loan Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Hoàng Văn Cương; bà Lê Thị Hồng
- *Thư kí phiên tòa:* ông Đinh Xuân Giáp- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2- Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Nghệ An:* bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 80/2026-HSST ngày 21 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2026/QĐXXST-HS ngày 03/8/2026 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thị T- CCCD: 040187005218; Giới tính Nữ. Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1987. Nơi cư trú: khối Q, phường T, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Đặng Văn T1 và bà Đoàn Thị Hoài . Bị cáo có chồng là Trần Công T2 và có 02 con. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 26/5/2020 bị công an xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (cũ) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026 đến ngày 26/01/2026 thì được trả tự do, áp dụng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Quyết định tạm hoãn xuất cảnh".

2. Nguyễn Đình V- CCCD: 040068002140. Giới tính N. Sinh ngày 17 tháng 7 năm 1968. Nơi cư trú: xóm X, xã H, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: lớp 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Đình M (đã chết) và bà Trương Thị K; Bị cáo có vợ là Trần Thị T3 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 63 ngày 18/6/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; Bản án hình sự phúc thẩm số 795 ngày 11/6/1992 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 13 năm tù về tội “Giết người”. Tổng hợp hình phạt 04 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 63 ngày 18/6/1991 (nêu trên), buộc chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 17 năm tù, đã chấp hành xong các quyết định của bản án và đã được xóa án tích. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82/QĐXPVC ngày 07/6/2010 của Công an huyện H (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi

đánh bạc; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 133/QĐ-XPVPHC ngày 24/4/2017 của Công an huyện H (cũ), tỉnh Nghệ An xử phạt 1.000.000 đồng về hành

vi đánh bạc, đã thi hành xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026 đến ngày 26/01/2026 thì được trả tự do, áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/01/2026 cho đến nay tại xóm X, xã H, tỉnh Nghệ An.

3. Trương Thị N1- CCCD: 040193033072; Giới tính: Nữ. Sinh ngày 11 tháng 11 năm 1993. Nơi cư trú: xóm X, xã H, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ văn hoá: lớp 5/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trương Văn L (đã chết) và bà Ngô Thị X. Bị cáo có chồng là Nguyễn Tiến M1 và có 03 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026 đến ngày 26/01/2026 thì được trả tự do, áp dụng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Quyết định tạm hoãn xuất cảnh".

4. Trần Thị Thu H-CCCD: 040186000796; Giới tính: Nữ. Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1986. Nơi cư trú: khối F, phường T, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ văn hoá: lớp 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Trần Quang C (tên thường gọi là Trần Quang H1) và bà Lê Thị H2. Bị cáo có chồng là Trần Ngọc A (đã ly hôn) và có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026 đến ngày 26/01/2026 thì được trả tự do, áp dụng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Quyết định tạm hoãn xuất cảnh".

5. Nguyễn Kim T4-CCCD: 040074003368; Giới tính: Nam. Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1974. Nơi cư trú: xóm X, xã H, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ văn hoá: lớp 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Kim M2 (đã chết) và bà Dương Thị H3. Bị cáo có vợ là Ngô Thị D và có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/01/2026 đến ngày 26/01/2026 thì được trả tự do, áp dụng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Quyết định tạm hoãn xuất cảnh".

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/01/2026, Nguyễn Đình V, Đặng Thị T, Trương Thị N1 và Trần Thị Thu H ngồi uống cà phê ở khu vực đền Ô tại xóm X, xã H, tỉnh Nghệ An. Tại đây, T nói với N1, H và V: “Lại nhà anh V ta đánh hồi phỏm hầy”, và cả nhóm đi về nhà Nguyễn Đình V ở xóm X, xã H để đánh bạc. Trên đường đi, N1 vào quán T5 (hai) bộ bài Túlokhơ, mỗi bộ có 52 quân bài (một bộ màu đỏ, một bộ màu xanh). Khi đến nhà Văn thì V, T, N1, H đi lên phòng ngủ tầng 2. Cả nhóm ngồi xuống chiếu đã được trải sẵn dưới nền nhà, theo thứ tự chiều kim đồng hồ là H, N1, T, V và thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh “Phỏm” được thua bằng tiền; Mỗi ván thì người về nhất thu được 300.000 đồng gồm: 50.000 đồng từ người về nhì , 100.000 đồng từ người về thứ ba và 150.000 đồng của người về thứ tư; người nào ù thì được 750.000 đồng từ 03 người còn lại (mỗi người 250.000 đồng); người nào không có “phỏm” (cháy) thì mất 200.000 đồng cho người về nhất. Đền khoảng 16 giờ 35 phút cùng ngày, Nguyễn Kim T4 đến nhà Văn ngồi xem cả nhóm đánh bạc. Đánh thêm được khoảng 04 ván bài nữa thì Văn N2 và nhường cho T4 đánh còn V lên giường ngồi xem. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị

Công an xã H, tỉnh Nghệ An vào phát hiện bắt quả tang, thu giữ: 01 (một) chiếc chiếu; 02 (hai) bộ bài Túlokhơ, mỗi bộ có 52 quân bài, đã qua sử dụng; thu giữ giữa chiếu bạc số tiền 700.000 đồng (là tiền đặt cửa để ai thắng khi bốc bài thì ăn cả); thu giữ ở vị trí giữa H và N1 ngồi số tiền 300.000 đồng (là tiền mỗi ván ai ù thì bỏ ra 50.000 đồng để mua nước uống); thu giữ tại vị trí trước chỗ ngồi của T số tiền 3.350.000 đồng; tại vị trí trước chỗ ngồi của N1 số tiền 4.600.000 đồng; tại vị trí trước chỗ ngồi của T4 số tiền 1.550.000 đồng; tại vị trí trước chỗ ngồi của H số tiền 3.200.000 đồng. Lúc này, Nguyễn Đình Văn tự N3 giao nộp số tiền 400.000 đồng đã dùng đánh bạc cho Công an.

Phương thức chơi bài “Phỏm” như sau: Bốn người sử dụng 01 bộ bài tây gồm 52 lá chia cho mỗi người 09 lá, riêng người chia được 10 lá và sẽ là người đánh trước, phần bài còn lại được đặt giữa chiếu bạc. Nếu lá bài đánh xuống người bên cạnh kết hợp với các lá bài của mình đang có gồm ít nhất 03 lá giống nhau hoặc liên nhau cùng chất thì được ăn lá bài đó để tạo thành “phỏm” và đánh ra lá bài khác cho người kế tiếp, nếu không ăn được thì bốc thêm 01 lá ở phần bài chưa chia rồi đánh ra 01 lá cho người kế tiếp. Mỗi ván người chơi được bốc và đánh tối đa 04 lượt. Trong quá trình chơi nếu người nào trong 10 lá bài trên tay có 09 lá tạo thành “Phỏm” được gọi là “Ù” thì thắng, ván bài kết thúc và 03 người còn lại mỗi người thua số tiền 250.000 đồng; nếu có cả 10 lá tạo thành “Phỏm” được gọi là “Ù tròn” thì ván bài kết thúc và 03 người còn lại mỗi người thua số tiền 500.000 đồng. Nếu kết thúc ván bài không có người “Ù” thì sẽ tính điểm của các lá bài không tạo thành “Phỏm”, người thắng là người có số điểm ít nhất, những người còn lại sẽ thua số tiền lần lượt theo thứ tự nhì, ba, tư là 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng, nếu không có “Phỏm” (cháy) thì thua 200.000 đồng. Ngoài ra trước mỗi ván bài, người đối diện với người chia bài sẽ bốc ở bộ bài khác 01 lá bài, nếu con bài bốc được là con “K” thì mỗi người bỏ ra giữa chiếu 200.000 đồng, bốc trúng các con còn lại thì mỗi người bỏ 100.000 đồng, khi có người bốc được hai con trùng với con bài mà người chéo cánh bốc thì người này được lấy toàn bộ tiền chung giữa chiếu.

Kết quả điều tra đã xác định số tiền dùng đánh bạc của các đối tượng như sau: Nguyễn Đình V 400.000 đồng (không thắng không thua); Đặng Thị T 3.500.000 đồng (thu giữ khi bắt quả tang 3.350.000 đồng, đánh thua 150.000 đồng); Trương Thị N1 2.200.000 đồng (thu giữ khi bắt quả tang 4.600.000 đồng, đánh thắng 2.400.000 đồng); Nguyễn Kim T4 3.500.000 đồng (thu giữ khi bắt quả tang 1.550.000 đồng, đánh thua 1.950.000 đồng); Trần Thị Thu H 4.500.000 đồng (thu giữ khi bắt quả tang 3.200.000 đồng, đánh thua 1.300.000 đồng); số tiền 700.000 đồng thu giữ giữa chiếu bạc là tiền các đối tượng đặt cửa để ai thắng khi bốc bài thì ăn cả và 300.000 đồng thu giữ giữa chỗ ngồi của N1 và H là số là tiền quá trình đánh mỗi ván ai ù thì bỏ ra 50.000 đồng để mua nước uống. Như vậy, tổng số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo là 14.100.000 đồng (mười bốn triệu một trăm nghìn đồng). Tại Kết luận giám định số 27/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 23/01/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh N kết luận: “Số tiền 14.100.000đ (mười bốn triệu một trăm nghìn đồng) gồm 24 (hai mươi tư) tờ tiền ngân hàng N4 mệnh giá 500.000 đồng; 01 (một) tờ tiền ngân hàng N4 mệnh giá 200.000 đồng; 13 (mười ba) tờ tiền ngân hàng N4 mệnh giá

100.000 đồng; 12 (mười hai) tờ tiền ngân hàng N4 mệnh giá 50.000 đồng, gửi giám định là tiền thật”

Tại bản Cáo trạng số 51/CT- VKSNAN- KV ngày 21/5/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Nghệ An truy tố các bị cáo kể trên về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã nêu; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc":

- Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo V từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo N1, H, T4 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với bị cáo N1, T4) để xử phạt: bị cáo N1 từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; Xử phạt bị cáo H và bị cáo T4, mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Đối với vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu sung ngân sách nhà nước 14.100.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài Tulokho và 01 chiếc chiếu cói là tang vật thu giữ trong vụ án.

Tại phiên tòa, trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Nghệ An và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Việc thu giữ, chuyển vật chứng đúng quy định, đúng thời hạn. Do đó, khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

{2} Về cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của các bị cáo phù hợp với diễn biến tội phạm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như nội dung quy kết của bản Cáo trạng: Trong khoảng thời gian từ 16 giờ 00 phút đến 17 giờ 30 phút ngày 16/01/2026, tại nhà ở của Nguyễn Đình V ở xóm X, xã H, tỉnh Nghệ An; các đối tượng Nguyễn Đình V, Đặng Thị T, Trương Thị N1, Trần Thị Thu H, Nguyễn Kim T4 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài “Phỏm”, được thua bằng tiền thì bị Công an xã H, tỉnh Nghệ An phát hiện, bắt

quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 02 (hai) bộ bài Tulokho, 01 (một) chiếc chiếu cói đã qua sử dụng; thu giữ và xác định tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 14.100.000 đồng (mười bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Do đó có căn cứ để khẳng định các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" được quy định tại Điều 321 bộ luật Hình sự 2015.

{3} Xét tính chất vụ án:

Đây là một vụ án đánh bạc có tính chất đồng phạm đơn giản, số lượng tiền đánh bạc ít. Vụ án có nhiều bị cáo, trong đó Đặng Thị T là người rủ rê, khởi xướng; bị cáo V có nhân thân, bị cáo N1 trực tiếp mua phương tiện phạm tội. Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự nhưng tính chất mức độ phạm tội khác nhau nên qua xác định nhân thân, số lượng tiền dùng đánh bạc để áp dụng về lượng hình phạt; Nhất là trong tình hình hiện nay, tệ nạn cờ bạc đang là một bức xúc của xã hội; nó làm băng hoại đạo đức lối sống, thuần phong mỹ tục. Đặc biệt, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến ly hôn, nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác. Bởi vậy cần xử lý vụ án một cách nghiêm minh để răn đe, giáo dục riêng với các bị cáo và phòng ngừa chung.

{4} Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: không

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Các bị cáo đều lần đầu đưa ra xét xử, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Số tiền tham gia đánh bạc ít; Hành vi phạm tội mang tính chất đơn giản; Các bị cáo Nguyễn Đình V, Trương Thị N1, Nguyễn Kim T4 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do có người thân được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương, có công với cách mạng.

{5} Về mức hình phạt:

Căn cứ vào các tình tiết nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp; Cụ thể: bị cáo T là người chủ mưu, khởi xướng việc đánh bạc và số tiền tương đối lớn so với các bị cáo khác, bản thân đã có 1 nhân thân nên phải xử phạt nghiêm; Bị cáo V tuy sử dụng số tiền ít nhất so với cả nhóm nhưng có 4 nhân thân, trong đó có 2 lần bị xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc; V là chủ nhà, cho cả nhóm thực hiện hành vi phạm tội tại phòng ngủ cá nhân; Bởi vậy, mức án đối với V phải cao nhất trong cả nhóm mới là phù hợp; Cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền với hai bị cáo T, V mới đủ tính răn đe, giáo dục. Đối với bị cáo N1 là người trực tiếp mua công cụ phạm tội, tuy nhiên có thêm tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 và cũng lần đầu phạm tội nên cần áp dụng Điều 35, xử phạt tiền ở mức cao hơn các bị cáo còn lại; Hai bị cáo H và Nguyễn Kim T4 nghĩ cũng xét chưa cần áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần xử phạt tiền cũng đủ nghiêm; Tuy nhiên, bị cáo T4 tham gia sau, số tiền cũng tương đương bị cáo H nên cần áp dụng mức phạt thấp hơn bị cáo H mới đảm bảo tính công bằng.

{6} Đối với tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung ngân sách nhà nước 14.100.000 đồng thu giữ của các bị cáo; Tịch thu tiêu hủy phương tiện phạm tội là 02 bộ bài và 01 chiếc chiếu cói.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

{1} Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Đình V

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Đặng Thị Tuyết ;

- Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với Trần Thị Thu H.

- Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với Trương Thị N1, Nguyễn Kim T4

{2} Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình V, Đặng Thị T, Trương Thị N1, Trần Thị Thu H, Nguyễn Kim T4 phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt:

{1} Nguyễn Đình V: 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

{2} Đặng Thị T: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

{3} Trương Thị N1: Phạt tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)

{4} Trần Thị Thu H: Phạt tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

{5} Nguyễn Kim T4: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Giao bị cáo Đặng Thị T cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Nghệ An; Giao bị cáo Nguyễn Đình V cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Nghệ An và các gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng điều 87 luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo này theo quy định tại Điều 89 Luật Thi hành án Hình sự năm 2025.

{3} Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 điều 106 bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 14.100.000 đồng hiện có tại Kho bạc Nhà nước khu vực XI- Phòng giao dịch số 16 theo biên bản giao nhận số 01/2026/BBBG- CQ CSĐT ngày 04/02/2026 và phiếu nhập kho lập ngày 05/02/2026; Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài Tulokho và 01 chiếc chiếu cói- Số vật chứng này có tại phòng Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2026.

{4} Về án phí, quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Đình V, Đặng Thị T, Trương Thị N1, Trần Thị Thu H, Nguyễn Kim T4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :

- TAND T.Nghệ An;
- VKSND khu vực 2-.Nghệ An;
- T.H.A dân sự T.Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng TANDKV 2-Nghệ An.

Đinh Loan Hòa